TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 06/2018/HNGĐ-PT

Ngày 23-3-2018

V/v chia tài sản chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trịnh Văn Toàn.

2. Ông Y Phi K Buôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2017/TLPT- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp tài sản chung.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ - ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐ - PT ngày 08/2/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm 1966.

Trú tại: T3, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Ng – Sinh năm 1967 .

Trú tại: TĐV, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị B – Sinh năm 1968 ; trú tại: TĐV, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Ngọc H1; trú tại: T5, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Ông Lê S; trú tại: T5, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

4. Ông Lê D; trú tại: T4A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

5. Ông Trần Kim Đ; trú tại: T6B, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn Ng là bị đơn; bà Phan Thị B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Ng sống chung với nhau từ năm 1996, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2014 Tòa án huyện Ea H'leo giải quyết không công nhận vợ chồng và nuôi con chung tại bản án số 31/2014/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2014; về tài sản chung bà H, ông Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi không còn chung sống với nhau nữa bà H và ông Ng không thỏa thuận phân chia các tài sản chung được, nên bà H yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung gồm:

- 01 lô đất thổ cư diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 78 m^2 nhà được xây năm 2001, đất này nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc H1 và đã được cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sử hữu nhà ở, đất có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Trần Văn Tr; phía tây giáp đất ông Trần Văn U; phía nam và phía bắc giáp đường đi.

- 01 lô đất rẫy diện tích 6.790 m^2, trên đất có khoảng 700 cây cà phê trồng năm 1997 nhưng hiện nay đã hư hỏng do lâu ngày không được chăm sóc, đất tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552, ngày 08 tháng 11 năm 2000. Đất này bà H ông Ng nhận chuyển nhượng của ông Trần Kim Đ năm 1996.

- 01 thửa đất trồng màu có diện tích 1.680 m^2 thuộc tại T6A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552, cấp ngày 08 tháng 11 năm 2000 nhận chuyển nhượng năm 1999 của ông Trần Phi H2. Hiện nay, do không có chỗ ở nên bà H xây nhà ở trên đất này. Đối với tài sản này, bà H chỉ yêu cầu phân chia 500m^2 (có chiều rộng theo mặt đường 10m, chiều dài 50m), vì trên thực tế ông bà chỉ sử dụng 500m^2 đất, không đúng với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.680 m^2.

Nay bà H yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung này theo quy định pháp luật. Ngoài những tài sản trên bà H không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản nào khác.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc bị đơn ông Trần Văn Ng trình bày:

Ông Ng và bà H về chung sống với nhau từ năm 1996, khi về chung sống hai bên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 01 tháng 10 năm 2014 Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo giải quyết không công nhận ông Ng và bà H là vợ chồng, nhưng chưa giải quyết về tài sản chung. Theo lời trình bày và yêu cầu bà H về việc yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ ông bà chung sống với nhau, ông Ng cho rằng:

- Đối với thửa đất trồng màu có diện tích 500 m^2, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là 1.680 m^2 tại T6A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552, cấp ngày 08 tháng 11 năm 2000 và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 78 m^2 được xây dựng trên diện tích đất 469 m^2 (tại T3, xã CM) ông Ng cho rằng đây là tài sản chung và đồng ý phân chia theo quy định pháp luật.

- Đối với thửa đất thổ cư diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk ông Ng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc H1 và thửa đất 6.790 m^2 tại T4A, xã CM nhận chuyển nhượng năm 1992 của ông Trần Kim Đ đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 402552, ngày 08 tháng 11 năm 2000 cho hộ ông Trần Văn Ng. Đây là các tài sản ông Ng có trước khi ông và bà H về sống chung với nhau, lý do ông nhận chuyển nhượng năm 1992 nhưng đến năm 2000 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do điều kiện kinh tế, đi lại khó khăn nên năm 2000 mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất của ông nhưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Trần Văn Ng là do trình độ kém hiểu biết và cũng không để ý nên từ khi được cấp đến khi xảy ra tranh chấp với bà H ông không có ý kiến gì. Nay bà H yêu cầu chia diện tích đất này ông không đồng ý, vì đây là tài sản riêng của ông. Ngoài ra, ông Ng không yêu cầu phân chia tài sản chung nào khác.

Đối với căn nhà mà bà H xây trên lô đất 500 m^2, tại T6A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk ông Ng không có ý kiến gì vì căn nhà này là do bà H xây.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B trình bày:

Bà Phan Thị B và ông Trần Văn Ng có đăng ký kết hôn từ năm 1988, chưa ly hôn. Năm 1993 bà B và ông Ng có tích góp tiền ở quê đem vào mua 469 m^2 đất ở tại T3, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk và 6.790 m^2 đất rẫy ở T4A, xã CM, huyện

EH, tỉnh Đắk Lắk. Vì điều kiện con nhỏ bà không vào chung sống được nên đưa tiền cho ông Ng vào mua đất. Đến năm 1997 bà B phát hiện ra ông Ng chung sống như vợ chồng với bà H.

Nay bà H yêu cầu chia tài sản chung với ông Ng, bà có ý kiến như sau:

- Thửa đất trồng hoa màu có diện tích 1.680 m^2 tọa lạc tại T6A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk và căn nhà cấp 4 diện tích 78 m^2 được xây dựng trên diện tích đất 469 m^2 bà B không có ý kiến gì vì đây là tài sản của bà H và ông Ng.

- Đối với thửa đất thổ cư diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk và thửa đất diện tích 6.790 m^2 tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của bà B và ông Ng có trước khi ông Ng chung sống như vợ chồng với bà H nên bà B không đồng ý chia cho bà H.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

Năm 1993 ông Nguyễn Ngọc H1 có chuyển nhượng cho ông Trần Văn Ng 450 m^2 đất tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, khi chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại được cấp hay chưa ông Hùng không biết, khi chuyển nhượng có viết giấy tay với nhau, giá chuyển nhượng là bao nhiêu ông H1 không còn nhớ, ông H1 đã giao đất cho ông Ng ngay khi chuyển nhượng và nay không còn quyền gì với diện tích đất này nữa nên từ chối tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê S trình bày:

Năm 1994 ông Lê S cùng ông Lê D, ông Trần Văn Ng có mua chung của ông Nguyễn Ngọc H1 01 mảnh đất thổ cư có chiều ngang mặt đường là 20 m, chiều dài 73 m, đất tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH. Sau đó chia làm 03 phần, ông S 01 phần, ông D 01 phần và ông Ng một phần. Diện tích này nay ông S đã chuyển nhượng cho ông U, ông D chuyển nhượng lại cho người khác, tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông S không biết Bà Nguyễn Thị H là ai. Nay ông S không còn liên quan gì đến diện tích đất này nên từ chối tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê D trình bày:

Năm 1994 ông Lê D cùng ông Lê S, ông Trần Văn Ng có mua chung của ông Nguyễn Ngọc H1 01 mảnh đất thổ cư có chiều ngang mặt đường là 20 m, chiều dài 73 m, đất tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH. Sau đó chia làm 03 phần, ông D 01 phần, ông S 01 phần và ông Ng một phần. Diện tích này nay ông D đã chuyển nhượng cho người khác, ông S chuyển nhượng cho ông U, tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông S không biết Bà Nguyễn

Thị H là ai, nay ông D không còn liên quan gì đến diện tích đất này nên từ chối tham gia tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Bà Nguyễn Thị H2 với Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Ng là người cùng quê Quảng Ngãi với nhau. Đối với tài sản của bà H, ông Ng, bà H2 biết như sau: Năm 1996 bà H ông Ng chung sống với nhau sau đó mua thửa đất 469 m^2 tại T5, xã CM, sau khi mua bà H2 thấy bà H và ông Ng dựng ngôi nhà tạm, đến năm 2001 mới xây ngôi nhà như hiện nay; đối với diện tích đất rẫy 6.790 m^2 bà H ông Ng mua năm 1996 của ông Trần Kim Đ; đối với diện tích đất 1.680 m^2 đất bà H và ông Ng mua năm 1999. Cả 03 thửa đất nêu trên bà H và ông Ng đều mua sau khi ông bà chung sống với nhau.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Hồ Thanh T trình bày:

Ông Hồ Thanh T với Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Ng là người cùng quê Quảng Ngãi với nhau. Đối với tài sản của bà H ông Ng ông T biết như sau: Năm 1996 bà H ông Ng chung sống với nhau sau đó mua thửa đất 469 m^2 tại T5, xã CM, sau khi mua ông T thấy bà H và ông Ng dựng ngôi nhà tạm, đến năm 2001 mới xây ngôi nhà như hiện nay; đối với diện tích đất rẫy 6.790 m^2 bà H ông Ng mua năm 1996 của ông Trần Kim Đ; đối với diện tích đất 1.680 m^2 đất bà H và ông Ng mua năm 1999. Cả 03 thửa đất nêu trên bà H và ông Ng đều mua sau khi ông bà chung sống với nhau.

Tại bản án số 28/2017/HNGD-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 219, Điều 224 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 16; Điều khoản 2, khoản 3 Điều 59, Điều 62 luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 3 Điều 18, khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H về yêu cầu chia tài sản chung với ông Trần Văn Ng.

1. Chia cho Bà Nguyễn Thị H quyền sử dụng đất sau:

Thửa đất trồng hoa màu có diện tích 500 m^2, đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08 tháng 11 năm 2000, thửa số 154a, tờ bản đồ số 12 cho hộ ông Trần Văn Ng, tọa lạc tại T6A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Nguyễn Xuân H3; phía tây và phía bắc giáp đất ông Trần Phi H4; phía nam giáp đường liên huyện EH - ES. Đất được xác định có giá trị là 110.000.000 đồng.

Do thửa đất này đã hết thời hạn sử dụng đất và diện tích sử dụng thực tế không đúng với diện tích đã được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Bà Nguyễn Thị H được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Chia cho ông Trần Văn Ng quyền sử dụng đất và các tài sản sau: Tạm giao thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 78 m^2, 01 giếng nước, đất đã được ủy ban nhân dân xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà ở, có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Tr; phía tây giáp đất ông U; phía nam và phía bắc giáp đường đi. Đất được xác định có giá trị là 105.600.000 đồng; 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 78 m^2, giá trị còn lại được xác định là 44.177.000 đồng.

Thửa đất có diện tích 6.790 m^2, tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08 tháng 11 năm 2000, thửa số 17, tờ bản đồ số 6, có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông U; phía tây giáp đất bà Nh; phía nam giáp đất ông Th; phía bắc giáp đất ông T. Đất được xác định có giá trị là 190.120.000 đồng.

Ông Trần Văn Ng được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất này.

Như vậy, ông Trần Văn Ng thực tế được nhận số tài sản giá trị là 339.897.000 đồng mà giá trị tài sản ông được chia là 284.092.500 đồng, còn bà H thực tế được nhận số tài sản trị giá 110.000.000 đồng mà giá trị tài sản bà được chia là 165.804.500 đồng. Như vậy, số tài sản ông Ng được chia nhiều hơn số tài sản bà H được chia là 55.804.500 đồng. Vì vậy, ông Trần Văn Ng bù phần chênh lệch giá trị tài sản được chia cho Bà Nguyễn Thị H là 55.804.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H về việc yêu

cầu chia tài sản là 1.180m^2 đất.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Buộc Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.474.000 đồng, ông Trần Văn Ng phải chịu 2.526.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản mà Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn Ng mỗi người đã nộp là 2.000.000 đồng. Buộc ông Trần Văn Ng phải trả lại cho Bà Nguyễn Thị H 526.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 8.290.225 (Tám triệu hai trăm chín mươi nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng), khấu trừ 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự mà Bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH, theo biên lai số 31339, ngày 29 tháng 10 năm 2015, Bà Nguyễn Thị H còn phải chịu 7.040.225 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn Ng phải chịu 14.204.625 (Mười bốn triệu hai trăm linh bốn nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2017 bị đơn ông Trần Văn Ng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 78 m^2, 01 giếng nước, đất đã được ủy ban nhân dân xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà ở và thửa đất có diện tích 6.790 m^2, tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08 tháng 11 năm 2000, thửa số 17, tờ bản đồ số 6 cho hộ ông Trần Văn Ng là tài sản của ông Ng bà B có trước khi sống chúng với bà H. Vì vậy, đây là tài sản của ông Ng, bà B. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chia hai tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích các nội dung kháng cáo của ông Ng, bà B đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng kháng cáo của ông Ng, bà B có căn cứ để xem xét. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Ng, bà Phan Thị B – Sửa bản

án sơ thẩm. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Bà Phan Thị B và ông Trần Văn Ng là vợ chồng có đăng ký kết hôn từ năm 1988 tại xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, hiện tại vẫn là vợ chồng (Bút lục số 112). Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Ng sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2014 Tòa án huyện Ea H'leo giải quyết không công nhận vợ chồng và nuôi con chung tại bản án số 31/2014/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2014; về tài sản chung bà H, ông Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi không còn chung sống với nhau nữa bà H và ông Ng không thỏa thuận phân chia các tài sản chung được, nên bà H yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn Ng, bà Phan Thị B thì Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc H1 vào năm 1993. Việc này đã được ông Nguyễn Ngọc H1 xác nhận. Đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.790 m^2, tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08/11/2000 cho hộ ông Trần Văn Ng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Trần Kim Đ vào năm 1992, ông Đ xác nhận. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà B không cung cấp được chứng cứ chứng minh được số tiền dùng để mua các tài sản này là tiền riêng của ông Ng bà B là không đúng, bà B không cần chứng minh, mà phải xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà B ông Ng trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp có trước khi ông Ng chung sống với bà H.

[2.2] Theo nội dung giấy xác nhận và thừa nhận của các bên xác định căn nhà xây trên thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk được xây dựng năm 1997, chủ hộ là ông Trần Văn Ng, người thừa kế Bà Nguyễn Thị H. Tài sản là quyền sử dụng đất của ông Trần Văn Ng và bà Phan Thị B có trước khi sống chung với bà H, nhà là tài sản của ông Ng và bà H xây dựng khi chung sống với nhau. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các bên

đương sự trong vụ án nên giá trị hai lô đất này cần chia đôi cho bà B, ông Ng mỗi người ½ giá trị.

[2.3] Ông Trần Văn Ng trong thời gian chung sống với bà Nguyễn Thị H đã tự nguyện nhập tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung giữa ông Trần Văn Ng, Bà Nguyễn Thị H, tài sản chung trong vụ án là quyền sử dụng đất phần chia cho ông Ng với bà B; do vậy xét về công sức đóng góp, nguồn gốc hình thành tài sản nên chia cho ông Ng 70%, bà H 30% giá trị tài sản đất phần mà ông Ng nhập vào khối tài sản chung khi sống với bà H là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho bà H.

[2.4] Riêng giá trị tài sản là thửa đất trồng hoa màu có diện tích 500 m^2, đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08 tháng 11 năm 2000 và giá trị căn nhà trên thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của Trần Văn Ng, Bà Nguyễn Thị H khi chung sống nên Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi cho mỗi người ½ giá trị là đúng đắn.

[3] Từ các phân tích nêu trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn Ng, bà Phan Thị B để sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo những nội dung sau:

* Giá trị tài sản chung mà bà Phan Thị B được hưởng là:

- ½ giá trị thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk là: 105.600.000 đồng/2 = 52.800.000 đồng.

- ½ giá trị thửa đất số 17, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.790 m^2, tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08/11/2000 là: 190.120.000 đồng/2 = 95.060.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bà Phan Thị B được hưởng là: 147.860.000 đồng.

* Giá trị tài sản chung mà ông Trần Văn Ng được hưởng là:

- Giá trị thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk là: 105.600.000 đồng/2 = 52.800.000 đồng x 70% = 36.960.000 đồng.

- Giá trị thửa đất số 17, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.790 m^2, tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08/11/2000 là:190.120.000 đồng/2 = 95.060.000 đồng x 70% = 66.542.000 đồng.

- ½ giá trị thửa đất trồng hoa màu có diện tích 500 m^2, đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08

tháng 11 năm 2000, thửa số 154a, tờ bản đồ số 12 cho hộ ông Trần Văn Ng, tọa lạc tại T6A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk là 110.000.000 đồng/2 = 55.000.000 đồng.

- ½ giá trị căn nhà trên thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk là 44.177.000 đồng/2 = 22088.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà ông Trần Văn Ng được hưởng là: 180.590.500 đồng.

* Giá trị tài sản chung mà Nguyễn Thị H được hưởng là:

- Giá trị thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk là: 105.600.000 đồng/2 = 52.800.000 đồng x 30% = 15.840.000đồng.

- Giá trị thửa đất số 17, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.790 m^2, tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08/11/2000 là: 190.120.000 đồng/2 = 95.060.000 đồng x 30% = 28.518.000 đồng.

- ½ giá trị thửa đất trồng hoa màu có diện tích 500 m^2, đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08 tháng 11 năm 2000, thửa số 154a, tờ bản đồ số 12 cho hộ ông Trần Văn Ng, tọa lạc tại T6A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk là 110.000.000 đồng/2 = 55.000.000 đồng.

- ½ giá trị căn nhà trên thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk là 44.177.000 đồng/2 = 22.088.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Thị H được hưởng là: 121.446.500 đồng.

Do Ông Trần Văn Ng bà Phan Thị B hiện vẫn là vợ chồng hợp pháp nên cần chia cho ông Ng bà B phần đất, nhà và các tài sản trên đất như bản án sơ thẩm đã chia cho ông Ng. Chia cho Bà Nguyễn Thị H quyền sử dụng đất như bản án sơ thẩm đã chia và buộc ông Nghĩa bà B phải thanh toán cho bà H chênh lệch số tiền được hưởng, cụ thể như sau:

* Chia cho Bà Nguyễn Thị H quyền sử dụng đất sau:

Thửa đất trồng hoa màu có diện tích 500 m^2, đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08 tháng 11 năm 2000, thửa số 154a, tờ bản đồ số 12 cho hộ ông Trần Văn Ng, tọa lạc tại T6A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Nguyễn Xuân H3; phía tây và phía bắc giáp đất ông Trần Phi H4; phía nam giáp đường liên huyện EH - ES. Đất được xác định có giá trị là 110.000.000 đồng.

* Chia cho Trần Văn Ng, bà Phan Thị B quyền sử dụng đất và tài sản sau:

- Thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 78 m^2, 01 giếng nước, đất đã được ủy ban nhân dân xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà ở, có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Tr; phía tây giáp đất ông U; phía nam và phía bắc giáp đường đi. Đất được xác định có giá trị là 105.600.000 đồng; 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 78 m^2, giá trị còn lại được xác định là 44.177.000 đồng.

- Thửa đất có diện tích 6.790 m^2, tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08 tháng 11 năm 2000, thửa số 17, tờ bản đồ số 6, có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông U; phía tây giáp đất bà Nh; phía nam giáp đất ông Th; phía bắc giáp đất ông T. Đất được xác định có giá trị là 190.120.000 đồng.

Buộc ông Ng, bà B phải thanh toán cho bà H chênh lệch số tiền được hưởng là 11.446.500 đồng.

[4] Về án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên tính toán lại án phí dân sự sơ thẩm mà các đương sự phải chịu cụ thể như sau:

Ông Trần Văn Ng bà Phan Thị B phải chịu: (147.860.000 +180.590.500) đồng = 328.450.500 đồng x5% = 16.422.525 đồng.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu: 121.446.500 đồng x 5% = 6.072.325 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Trần Văn Ng, bà Phan Thị B không phải chịu án dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn Ng và bà Phan Thị B.

- Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2017/HNGD-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H về yêu cầu chia tài sản chung với ông Trần Văn Ng.

Chia cho Bà Nguyễn Thị H quyền sử dụng đất sau:

Thửa đất trồng hoa màu có diện tích 500 m^2, đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08 tháng 11 năm 2000, thửa số 154a, tờ bản đồ số 12 cho hộ ông Trần Văn Ng, tọa lạc tại T6A, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Nguyễn Xuân H3; phía tây và phía bắc giáp đất ông Trần Phi H4; phía nam giáp đường liên huyện EH - ES. Đất được xác định có giá trị là 110.000.000 đồng.

Do thửa đất này đã hết thời hạn sử dụng đất và diện tích sử dụng thực tế không đúng với diện tích đã được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Bà Nguyễn Thị H được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Chia cho Trần Văn Ng, bà Phan Thị B quyền sử dụng đất và tài sản sau:

- Thửa đất có diện tích 469 m^2, tọa lạc tại T5 (nay là T3), xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 78 m^2, 01 giếng nước, đất đã được ủy ban nhân dân xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà ở, có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Tr; phía tây giáp đất ông U; phía nam và phía bắc giáp đường đi. Đất được xác định có giá trị là 105.600.000 đồng; 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 78 m^2, giá trị còn lại được xác định là 44.177.000 đồng.

- Thửa đất có diện tích 6.790 m^2, tọa lạc tại T4A, xã CM, huyện EH đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R402552 ngày 08 tháng 11 năm 2000, thửa số 17, tờ bản đồ số 6, có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông U; phía tây giáp đất bà Nh; phía nam giáp đất ông Th; phía bắc giáp đất ông T. Đất được xác định có giá trị là 190.120.000 đồng.

Ông Trần Văn Ng bà Phan Thị B được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất này.

Buộc ông Nghĩa bà B phải thanh toán cho bà H số tiền là 11.446.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Buộc

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.474.000 đồng, ông Trần Văn Ng phải chịu 2.526.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản mà Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn Ng mỗi người đã nộp là 2.000.000 đồng. Buộc ông Trần Văn Ng phải trả lại cho Bà Nguyễn Thị H 526.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị H phải chịu 6.072.325 đồng, được khấu trừ 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự mà Bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH, theo biên lai số 31339, ngày 29 tháng 10 năm 2015.

+ Ông Trần Văn Ng bà Phan Thị B phải chịu: 16.422.525 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn Ng, bà Phan Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người được khấu trừ số tiền 300.000đ mà ông Ng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002165 ngày 16/11/2017 và số tiền 300.000đ mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002164 ngày 16/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EH, tỉnh Đắk Lắk vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải chịu.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện EH;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Văn Công Dần

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trịnh Văn Toàn **Y Phi KBuôr** **Văn Công Dần**